

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/2010/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2010

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về xử phạt vi phạm hành chính
trong hoạt động sản xuất, kinh doanh phân bón

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động sản xuất, kinh doanh phân bón, gồm:

- a) Hành vi vi phạm quy định về điều kiện để sản xuất, gia công phân bón;
- b) Hành vi vi phạm quy định về sản xuất, gia công phân bón không đảm bảo chất lượng;
- c) Hành vi vi phạm quy định về sản xuất, gia công phân bón giả;
- d) Hành vi vi phạm quy định về điều kiện để kinh doanh phân bón;
- đ) Hành vi vi phạm quy định về kinh doanh phân bón không đảm bảo chất lượng;
- e) Hành vi vi phạm quy định về kinh doanh phân bón giả;
- g) Hành vi vi phạm quy định về nhập khẩu phân bón;
- h) Hành vi vi phạm quy định về công bố tiêu chuẩn áp dụng, chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy phân bón;

- i) Hành vi vi phạm các quy định về lấy mẫu và phân tích phân bón;
- k) Hành vi vi phạm các quy định về hồ sơ đăng ký khảo nghiệm phân bón mới;
- l) Hành vi vi phạm quy định khảo nghiệm phân bón mới;
- m) Hành vi vi phạm quy định về đặt tên phân bón;
- n) Hành vi vi phạm quy định về đổi tên phân bón;
- o) Hành vi vi phạm quy định công nhận, chỉ định người lấy mẫu phân bón, phòng kiểm nghiệm phân bón.

2. Các hành vi vi phạm hành chính về sản xuất, gia công, kinh doanh phân bón giả quy định tại Nghị định này nếu có giá trị tương đương hàng thật từ 30.000.000 đồng trở lên có dấu hiệu tội phạm thì phải chuyển hồ sơ cho cơ quan tố tụng hình sự có thẩm quyền để truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Các hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động sản xuất, kinh doanh phân bón không quy định trực tiếp tại Nghị định này thì áp dụng theo các nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

4. Phân bón hữu cơ truyền thống không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này.

2. Cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này trên lãnh thổ Việt Nam, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

3. Người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này thì bị xử phạt theo quy định tại Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1. Sản xuất phân bón là quá trình chế tạo, tạo ra phân bón.
- 2. Kinh doanh phân bón là việc thực hiện một, một số hoặc tất cả các công đoạn của sản xuất, gia công, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán, cung ứng dịch vụ phân bón trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.

3. Gia công phân bón là việc doanh nghiệp có chức năng sản xuất phân bón tại Việt Nam nhận sản xuất phân bón theo hợp đồng với cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước. Theo đó bên nhận gia công sử dụng một phần hoặc toàn bộ nguyên liệu, vật liệu của bên đặt gia công để thực hiện một hoặc nhiều công đoạn trong quá trình sản xuất phân bón theo yêu cầu của bên đặt gia công để hưởng thù lao.

4. Danh mục phân bón là danh mục phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam được hiểu như quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 191/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về việc quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón.

5. Phân bón không đảm bảo chất lượng là các loại phân bón không đảm bảo được các chỉ tiêu bắt buộc kiểm tra theo quy định; không đạt một trong các chỉ tiêu về mức sai số định lượng, định lượng bắt buộc cho phép và đơn vị tính đối với các yếu tố có trong phân bón theo quy định.

6. Phân bón giả là loại phân bón có một trong các dấu hiệu sau

a) Sản xuất trái pháp luật có hình dáng giống như loại phân bón được nhà nước cho phép sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, giả, nhái về nhãn mác đối với loại phân bón đã được bảo hộ;

b) Không có giá trị sử dụng đúng với nguồn gốc, bản chất tự nhiên, tên gọi và công dụng theo tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc mức quy định trong Danh mục phân bón;

c) Hàm lượng định lượng tổng các chất dinh dưỡng chỉ đạt từ 0% đến 50% mức tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc mức quy định trong Danh mục phân bón.

Điều 4. Quy định xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả

Nguyên tắc xử phạt; tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng; thời hiệu và thời hạn xử phạt; thời hạn được coi là chưa bị xử phạt; cách tính thời hạn, thời hiệu; áp dụng các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả; trách nhiệm của người có thẩm quyền trong việc xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.



Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT

Điều 5. Hành vi vi phạm quy định về điều kiện để sản xuất, gia công phân bón

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất, gia công phân bón không có đội ngũ cán bộ, công nhân có chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu công nghệ sản xuất và quản lý chất lượng phân bón theo yêu cầu.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất, gia công các loại phân bón (bao gồm phân bón đã đăng ký khảo nghiệm hoặc đang trong quá trình khảo nghiệm) chưa có tên trong Danh mục phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam khi chưa có văn bản đồng ý cho phép khảo nghiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất, gia công phân bón không có hoặc không thuê bộ phận phân tích kiểm nghiệm chất lượng phân bón để đảm bảo phân bón được sản xuất, gia công đạt chất lượng theo quy định.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân, tổ chức sản xuất, gia công phân bón không có hệ thống máy móc, thiết bị phù hợp để sản xuất phân bón đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

5. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất, gia công phân bón khi chưa có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mặt hàng phân bón hoặc Giấy chứng nhận đầu tư sản xuất, kinh doanh mặt hàng phân bón do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

6. Hình thức xử phạt bổ sung

Tịch thu phân bón đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 5 Điều này phải bổ sung đủ điều kiện để sản xuất, gia công phân bón.

Điều 6. Hành vi vi phạm quy định về sản xuất, gia công phân bón không đảm bảo chất lượng

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất, gia công phân bón không đạt mức sai số định lượng cho phép so với mức quy định.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất, gia công phân bón không đạt mức chỉ tiêu định lượng bắt buộc.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc cá nhân, tổ chức vi phạm phải tái sản xuất toàn bộ số lượng phân bón không đảm bảo chất lượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 7. Hành vi vi phạm quy định về sản xuất, gia công phân bón giả

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất, gia công phân bón giả có giá trị tương đương với hàng thật đến 30.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất, gia công phân bón giả có giá trị tương đương với hàng thật đến 40.000.000 đồng.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất, gia công phân bón giả có giá trị tương đương với hàng thật từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

4. Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất, gia công phân bón giả có giá trị tương đương với hàng thật từ trên 100.000.000 đồng.

5. Hình thức xử phạt bổ sung

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm và toàn bộ số lượng phân bón giả quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc tiêu hủy phân bón giả không có giá trị sử dụng, công dụng, không đảm bảo an toàn sử dụng, gây hại tới sản xuất, sức khỏe người, cây trồng, môi sinh, môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này. Chi phí tiêu hủy phân bón giả do cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm chịu. Trường hợp không thể áp dụng được biện pháp buộc tiêu hủy hoặc cá nhân, tổ chức vi phạm không thực hiện việc tiêu hủy thì tịch thu để tiêu hủy theo quy định.

Điều 8. Hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh phân bón

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm kinh doanh phân bón không có tên trong Danh mục phân bón.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm kinh doanh phân bón không có kho chứa phân bón.

3. Hình thức xử phạt bổ sung

Tịch thu phân bón không có tên trong Danh mục phân bón đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc phải có kho chứa phân bón đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 9. Hành vi vi phạm quy định về kinh doanh phân bón không đảm bảo chất lượng

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm kinh doanh phân bón đã quá thời hạn sử dụng.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm kinh doanh phân bón đã bị đình chỉ sản xuất, đình chỉ tiêu thụ.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm kinh doanh phân bón:

a) Không đạt mức công bố tiêu chuẩn áp dụng hoặc mức quy định trong Danh mục phân bón đối với phân bón kinh doanh có giá trị đến 80.000.000 đồng;

b) Hàm lượng chỉ đạt từ mức sai số cho phép tới 80% mức công bố tiêu chuẩn áp dụng hoặc mức quy định trong Danh mục phân bón được phép sử dụng về một yếu tố dinh dưỡng hoặc tổng các yếu tố dinh dưỡng.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm kinh doanh phân bón

a) Không đạt mức công bố tiêu chuẩn áp dụng hoặc mức quy định trong Danh mục phân bón mà số lượng phân bón có giá trị đến 90.000.000 đồng;

b) Hàm lượng một yếu tố dinh dưỡng hoặc tổng các yếu tố dinh dưỡng chỉ đạt từ 61% đến 80% mức công bố tiêu chuẩn áp dụng hoặc mức quy định trong Danh mục phân bón.

5. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm kinh doanh phân bón

a) Không đạt mức công bố tiêu chuẩn áp dụng hoặc mức quy định trong Danh mục phân bón, mà số lượng phân bón có giá trị đến 100.000.000 đồng;

b) Hàm lượng một yếu tố dinh dưỡng hoặc tổng các yếu tố dinh dưỡng chỉ đạt từ 51% đến 60% mức công bố tiêu chuẩn áp dụng hoặc mức quy định trong Danh mục phân bón.

6. Hình thức xử phạt bổ sung

Tịch thu để tái chế đối với số lượng phân bón vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc tái chế đối với số lượng phân bón vi phạm các quy định tại khoản 3, 4 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy số lượng phân bón có hàm lượng chỉ đạt dưới 30% mức công bố tiêu chuẩn áp dụng hoặc mức quy định trong Danh mục phân bón đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3, điểm b khoản 4, điểm b khoản 5 Điều này.

Điều 10. Hành vi vi phạm quy định về kinh doanh phân bón giả

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh phân bón giả có giá trị tương đương với hàng thật đến 1.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh phân bón giả có giá trị tương đương với hàng thật từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

3. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh phân bón giả có giá trị tương đương với hàng thật từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh phân bón giả có giá trị tương đương với hàng thật từ trên 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh phân bón giả có giá trị tương đương với hàng thật từ trên 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh phân bón giả có giá trị tương đương với hàng thật từ trên 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng.

7. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh phân bón giả có giá trị tương đương với hàng thật từ trên 30.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng.

8. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh phân bón giả có giá trị tương đương với hàng thật từ trên 40.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.

9. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối hành vi vi phạm sản xuất, gia công phân bón giả có giá trị tương đương với hàng thật từ trên 50.000.000 đồng.

10. Hình thức xử phạt bổ sung

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để làm hàng giả đối với các trường hợp vi phạm tại Điều này.

11. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc tiêu hủy toàn bộ số lượng phân bón giả không có giá trị sử dụng, không có công dụng, không đảm bảo an toàn sử dụng, gây hại tới sản xuất, sức khoẻ người, vật nuôi, cây trồng, môi sinh, môi trường đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều này. Chi phí tiêu hủy phân bón giả do cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm chịu. Trường hợp không thể áp dụng được biện pháp buộc tiêu hủy hoặc cá nhân, tổ chức vi phạm không thực hiện việc tiêu hủy thì tịch thu để tiêu hủy theo quy định.

Điều 11. Hành vi vi phạm quy định về nhập khẩu phân bón

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu phân bón mới để khảo nghiệm mà chưa được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu nguyên liệu phân bón hoặc nguyên liệu khác chưa có tên trong Danh mục phân bón để sản xuất các loại phân bón sau đây:

a) Có tên trong Danh mục phân bón;

b) Chỉ đề xuất khẩu theo hợp đồng.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu phân bón chuyên dùng cho lĩnh vực thể thao mà chưa được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu phân bón chuyên dùng sử dụng trong phạm vi doanh nghiệp mà chưa được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu phân bón làm hàng mẫu, quà biếu, dùng để nghiên cứu khoa học, thử nghiệm mà chưa được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu các loại phân bón đã qua khảo nghiệm, được Hội đồng khoa học công nghệ đề nghị công nhận là biện pháp kỹ thuật mới (phân bón mới), được công nhận là phân bón mới trong thời gian chờ đưa vào Danh mục phân bón mà chưa có sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu các loại phân bón không đáp ứng mức công bố tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng của Việt Nam.

8. Đối với hành vi vi phạm quy định về nhập lậu phân bón được áp dụng quy định tại Nghị định số 06/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại; Nghị định số 107/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính các hành vi đầu cơ, găm hàng, tăng giá quá mức, đưa tin thất thiệt, buôn lậu và gian lận thương mại để xử phạt.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc tái xuất hoặc tiêu huỷ những loại phân bón nhập khẩu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này có chứa hàm lượng kim loại nặng, vi sinh vật gây hại và các chất độc khác vượt mức quy định;

b) Buộc tái chế phân bón nhập khẩu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này để đảm bảo theo công bố tiêu chuẩn áp dụng hoặc chỉ dùng làm nguyên liệu để sản xuất các loại phân bón khác đối với những loại phân bón không thuộc điểm a khoản 9 Điều này.

Điều 12. Hành vi vi phạm quy định về công bố tiêu chuẩn áp dụng, chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy phân bón

Hành vi vi phạm các quy định về công bố tiêu chuẩn áp dụng, chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy phân bón được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 54/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hoá để xử phạt.

Điều 13. Hành vi vi phạm các quy định về lấy mẫu và phân tích phân bón

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện đúng các quy định về phương pháp, quy định về lấy mẫu, kiểm nghiệm chất lượng, chứng nhận chất lượng quy định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc không thực hiện đúng phương pháp thử nghiệm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

b) Làm sai lệch kết quả hoặc công bố sai kết quả phân tích kiểm nghiệm chất lượng phân bón;

c) Không bảo mật các thông tin, số liệu, kết quả lấy mẫu, kiểm định, kiểm nghiệm, chứng nhận chất lượng.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc tiến hành lấy mẫu, kiểm nghiệm, công nhận chất lượng lại đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này và không được thu tiền các hoạt động do vi phạm các quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tạm đình chỉ hoặc huỷ bỏ hiệu lực quyết định công nhận hoặc chỉ định người lấy mẫu, người kiểm định, phòng kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận chất lượng phân bón đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 14. Hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đăng ký khảo nghiệm phân bón mới

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, tổ chức có một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Sửa chữa, tẩy xóa, khai man, làm giả các giấy tờ quy định trong hồ sơ khảo nghiệm phân bón;

b) Không đăng ký và báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thay đổi những nội dung khảo nghiệm đã được quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc chỉnh sửa hoặc đăng ký lại khảo nghiệm phân bón mới đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 15. Hành vi vi phạm quy định khảo nghiệm phân bón mới

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện khảo nghiệm phân bón mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định hoặc công nhận;

b) Thực hiện khảo nghiệm không đúng với nội dung đã đăng ký khảo nghiệm hoặc khảo nghiệm không đúng theo các quy định hiện hành về khảo nghiệm phân bón mới;

c) Chỉ định đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón khi đơn vị đó chưa đáp ứng đủ các điều kiện được chỉ định theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong việc công bố kết quả khảo nghiệm không trung thực.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc khảo nghiệm lại hoặc huỷ bỏ kết quả khảo nghiệm phân bón mới đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

Điều 16. Hành vi vi phạm quy định về đặt tên phân bón

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nguyên tắc đặt tên phân bón theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc chỉnh sửa hoặc huỷ bỏ tên phân bón theo quy định đặt tên phân bón đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 17. Hành vi vi phạm quy định về đổi tên phân bón

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về điều kiện đổi tên, về thủ tục đổi tên khi thực hiện việc đổi tên phân bón.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc chỉnh sửa hoặc huỷ bỏ tên phân bón đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 18. Hành vi vi phạm quy định công nhận, chỉ định người lấy mẫu phân bón, phòng kiểm nghiệm phân bón

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Quyết định công nhận, chỉ định người lấy mẫu phân bón, phòng thí nghiệm phân bón đã hết hiệu lực nhưng vẫn tiếp tục hoạt động sản xuất, kinh doanh mà không gửi hồ sơ đăng ký công nhận, chỉ định lại về cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

b) Trì hoãn ra quyết định công nhận, chỉ định lại kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ mà không có lý do chính đáng;

c) Không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền những thay đổi liên quan đến phạm vi được công nhận, chỉ định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ hoặc huỷ bỏ quyết định công nhận, chỉ định đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương III

THẨM QUYỀN VÀ THỦ TỤC XỬ PHẠT

Điều 19. Thẩm quyền xử phạt

1. Thẩm quyền xử phạt của Ủy ban nhân dân các cấp

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền xử phạt vi phạm hành chính các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này ở địa phương theo quy định tại Điều 29 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền xử phạt vi phạm hành chính các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này ở địa phương theo quy định tại Điều 30 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

2. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra chuyên ngành

Thanh tra chuyên ngành có quyền xử phạt vi phạm hành chính các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này thuộc lĩnh vực quản lý của ngành theo quy định tại Điều 38 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

3. Thẩm quyền xử phạt của các lực lượng khác

Các cơ quan Công an, Hải quan, Quản lý thị trường và các cơ quan khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao nếu phát hiện các hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động sản xuất, kinh doanh phân bón thì được quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và các quy định tại Nghị định này.

Điều 20. Thủ tục xử phạt, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và thi hành quyết định xử phạt

Thủ tục xử phạt, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 04 năm 2010

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, giám sát việc thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP Ban Chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTN; Q. **290**

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng